

Bản án: 07/2019/DSST

Ngày 08/4/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh AG.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị K**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1979. (vắng mặt)

- Bà **Đặng Thị Lệ T**, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã S, huyện Đ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Tôi và chị Đặng Thị Lệ T quen biết đã gần 20 năm, với sự tin tưởng, tình cảm chị em nên tôi đã cho chị Trần Thị K tham gia chơi hụi do tôi làm chủ có sự bảo lãnh của chị T. Cụ thể ngày 24/4/2017 âm lịch, chị T có bảo lãnh cho chị K chơi 400 chân hụi ngày của tôi, hụi 10.000 đồng/ngày/chân. Chị K duy trì đóng hụi sống liên tục 10 ngày, đến ngày thứ 11 thì hốt được số tiền 203.200.000 đồng. Tuy nhiên sau khi hốt hụi, chị K không thực hiện đóng hụi chết ngày nào mà bỏ đi khỏi địa phương. Nay đây hụi đã mãn, chị K còn nợ tôi tiền hụi chết chưa đóng là 44 ngày x 10.000 đồng/chân x 400 chân = 176.000.000 đồng.

Ngoài ra chị T còn bảo lãnh cho chị K chơi hai chân hụi 15 ngày của tôi (15 ngày số hụi một lần), mỗi lần 2.000.000 đồng. Chị K cũng đã hốt hai chân hụi này và còn nợ lại tiền hụi chết là 8.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng chị K còn nợ tôi tiền hụi chết là 184.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu chị K phải có trách nhiệm trả tiền hụi trên cho tôi, nếu chị K không trả thì chị T phải trả cho tôi vì chị T là người đứng ra bảo lãnh cho chị K chơi hụi.

*** Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Trần Thị K trình bày:**

Chị có tham gia chơi hụi ngày do chị N làm chủ nhưng trong số 400 chân hụi ngày thì chị chỉ có 100 chân, còn 400 chân là của chị Đặng Thị Lệ T. Nay chị K không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị N, chỉ đồng ý trả cho chị N số tiền hụi tương đương với 100 chân là 43.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Lệ T trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị N là chỗ quen biết và có chơi hụi với nhau từ hơn 10 năm nay. Sau đó bà có giới thiệu cho chị Trần Thị K quen với bà N, chị K đã trực tiếp chơi hụi của bà N nhiều lần. Trong đây hụi ngày bà N khởi kiện, bà xác định không có tham gia chơi, bà có biết việc chị K chơi 400 chân hụi ngày, sau khi hốt hụi xong thì chị K không đóng hụi chết cho chị N lần nào mà bỏ trốn một thời gian mới về, khi chị K hốt hụi thì bà cũng biết và chứng kiến việc giao tiền giữa các bên vì hôm đó bà có đi chung với chị K, còn việc chị K hốt được số tiền bao nhiêu thì bà không biết chính xác.

Nay chị N yêu cầu bà cũng phải có trách nhiệm trả số tiền hụi chết của chị K thì bà không đồng ý, vì bà không có bảo lãnh cho chị K chơi hụi của chị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu quan điểm như sau:

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc vợ chồng chị K và anh K có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi 176.000.000 đồng cho bà N; bác yêu cầu của bà N về việc buộc bà T là người bảo lãnh có trách nhiệm liên đới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án Tộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, chị K và anh K.

3. Về việc áp dụng pháp luật: Do đây hụi được xác lập, thực hiện vào năm 2017 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phụng dưỡng để giải quyết.

4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau: Vào ngày 24/4/2017 (al), bà Nguyễn Thị N là chủ hụi có mở một dây hụi ngày 10.000 đồng/chân, gồm 17 hụi viên, kéo dài liên tục trong 55 ngày. Hụi sống đóng dao động từ 9.000 đồng đến 9.500 đồng/chân. Hụi chết đóng 10.000 đồng/chân. Trong đó chị Trần Thị K có tham gia chơi 400 chân hụi.

Theo lời khai của bà N, chị K đóng hụi sống đến ngày thứ 11 thì hốt được số tiền 203.200.000 đồng. Sau khi hốt được hụi, chị K không đóng hụi chết ngày nào mà bỏ địa phương đi một thời gian mới về. Nay chị K còn thiếu tiền hụi của bà là 44 ngày hụi chết x 10.000 đồng/chân x 400 chân = 176.000.000 đồng.

Xét thấy: Bà N là một chủ hụi lâu năm nhưng việc mở dây hụi của bà không được lập thành văn bản rõ ràng, việc đóng hụi và hốt hụi của chị K cũng không được theo dõi trong sổ sách hay ký nhận bằng một biên nhận nào cả nên trong suốt thời gian dài chuẩn bị xét xử, bà N không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho việc

đóng hụi sống cũng như việc hốt hụi của chị K. Tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/9/2018 (BL 20) chị K thừa nhận có chơi hụi ngày của bà N, chị có đi đóng hụi cho bà N liên tục 11 ngày và số tiền đóng hụi là của 400 chân/ngày. Như vậy qua sự thừa nhận của chị K đã có đủ cơ sở xác định được chị K thực sự có tham gia chơi dây hụi ngày của chị N, có hốt hụi nhưng không thực hiện đóng hụi chết đầy đủ cho bà N là đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biếu, phường nên bà N khởi kiện yêu cầu chị K trả số tiền hụi còn phải đóng 176.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với việc chị K cho rằng trong số 400 chân hụi, chị chỉ có 100 chân, còn 300 chân là của bà T. Lời khai của chị K không có căn cứ để chấp nhận vì chị là người trực tiếp đi đóng hụi cho bà N số tiền hụi của 400 chân, chị cho rằng chị đi đóng giùm cả phần của bà T nhưng chị không có chứng cứ gì chứng minh. Nếu sau này chị K có chứng cứ chứng minh được 300 chân hụi là của bà T thì chị có quyền khởi kiện chị T bằng vụ án khác để được xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị N có yêu cầu đưa Nguyễn Văn K (chồng chị K) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để buộc anh K và chị K cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi 176.000.000 đồng cho bà. HĐXX xét thấy: Tại lời khai của chị K (BL 20), chị xác định rằng số tiền chị hốt hụi, chị đã sử dụng một phần vào việc đóng hụi đầu khác để kiếm lời lo cho cuộc sống hàng ngày, một phần chị sử dụng để lo chữa bệnh cho chồng và lo sinh hoạt hàng ngày. Như vậy, số tiền hụi chị K nợ bà N được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, do đó căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 buộc anh K và chị K cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi cho bà N.

Xét yêu cầu của bà N về việc buộc bà T phải có trách nhiệm liên đới với chị K trả số tiền hụi do bà T đứng ra bảo lãnh. Xét thấy, việc bảo lãnh giữa các bên không được thực hiện bằng văn bản, tại phiên tòa hôm nay bà T không thừa nhận có việc bảo lãnh chơi hụi như trình bày của bà N nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà N về nội dung này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc chị K trả tiền hụi 8.000.000 đồng của dây hụi 15 ngày. Xét thấy dây hụi này chị K không thừa nhận và bà N cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2019, bà N rút lại một phần nội dung khởi kiện của mình, do chị K không thừa nhận nên bà không yêu cầu chị K trả số tiền hụi 8.000.000 đồng này nữa. Do vậy, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận một phần yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn; buộc vợ chồng chị Trần thị K và anh Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm trả số tiền hụi cho bà N là 176.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

5. Về án phí:

- Chị K và anh K phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn K.

Buộc chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi cho bà N là 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc buộc bà Đặng Thị Lệ T có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi cho chị K.

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền 8.000.000 đồng.

4/ Về án phí DSST:

- Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.800.000 đồng (Tám triệu, tám trăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.600.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai T số 0000627 ngày 04/01/2018 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị N, chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc